BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI

Số: 746/QĐ -ĐHCNDMHN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định mở ngành đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 769/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 849/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng trường, trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo và trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định mở ngành đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

Điều 2. Các phòng, khoa/trung tâm chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu: VT, ĐT (2).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI

TS. Hoàng Xuân Hiệp

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về việc mở ngành đào tạo trình độ đại học

(Ban hành kèm theo Quyết định số 746/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học và trách nhiệm của các bên liên quan trong hoạt động mở ngành đào tạo.

Văn bản này áp dụng đối với các khoa/trung tâm (sau đây gọi tắt là khoa) của trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường); các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Danh mục thống kê ngành đào tạo là danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV đối với các trình độ của giáo dục đại học, do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Ngành đào tạo là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong danh mục thống kê ngành đào tạo.

3. Nhóm ngành đào tạo là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn, trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Lĩnh vực đào tạo là tập hợp các nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ được thống kê, phân loại trong danh mục giáo dục đào tạo cấp II thuộc danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành đào tạo dự kiến mở ở trình độ đại học là ngành có cùng tên và cùng 6 chữ số cuối của mã ngành theo danh mục thống kê ngành đào tạo; trường hợp ngành đó chưa được đào tạo trong nước ở trình độ tiến sĩ hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp thì ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo ở trình độ đại học.

6. Thành phần của một chương trình đào tạo là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của chương trình đào tạo (như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần khác).

7. Giảng viên toàn thời gian trong mở ngành đào tạo bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại Trường (sau đây gọi chung là giảng viên toàn thời gian), cụ thể như sau:

a) Giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý cơ hữu của Trường là giảng viên, cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo quy định về số lượng người làm việc và vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên, làm việc toàn thời gian tại Trường theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chế độ làm việc của giảng viên đại học trong cả năm học tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, đồng thời không ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác.

8. Giảng viên thỉnh giảng trong mở ngành đào tạo là người không thuộc diện theo quy định tại khoản 7 Điều này nhưng có ký hợp đồng thỉnh giảng với Trường theo quy định của pháp luật, giảng dạy theo kế hoạch được phân công tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, được Trường trả lương, thù lao theo hợp đồng thỉnh giảng với Trường.

9. Giảng viên có chuyên môn phù hợp để giảng dạy chương trình đào tạo là giảng viên được đào tạo ở trình độ và ngành có kiến thức chuyên môn phù hợp để giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở; đồng thời đã có kinh nghiệm giảng dạy đại học tối thiểu từ 02 năm trở lên đối với các học phần tương ứng trong chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở hoặc đã có các công trình khoa học liên quan đến nội dung được dự kiến phân công giảng dạy được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc

quốc tế trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

Điều 3. Điều kiện mở ngành đào tạo

1. Về ngành đào tạo dự kiến mở

a) Phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường;

b) Có trong danh mục thống kê ngành đào tạo (trừ trường hợp có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ); việc đề xuất bổ sung ngành mới vào danh mục thống kê ngành đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

2. Về đội ngũ giảng viên

a) Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo; các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật (quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này), giảng viên thỉnh giảng có thể đảm nhận tối đa 40% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo.

Tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo phải đáp ứng điều kiện cụ thể sau đây cho toàn bộ khóa học:

- Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác (trường hợp ngành đào tạo dự kiến mở là ngành ghép bởi các ngành học từ các nhóm ngành khác nhau, hoặc ngành đào tạo mang tính liên ngành được sắp xếp đồng thời vào một số nhóm ngành khác nhau, yêu cầu mỗi ngành được ghép phải có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- Có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (tính cả tiến sĩ ngành phù hợp nêu trên), trong đó mỗi thành phần của chương trình đào tạo phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp

chủ trì giảng dạy. Riêng đối với các ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam (theo quy định tại danh mục thống kê ngành đào tạo), ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật (quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này), phải bảo đảm tối thiểu có 03 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp.

- Có đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, bảo đảm tỉ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định; có kế hoạch, phương án tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3 chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật (theo quy định tại danh mục thống kê ngành đào tạo), phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện trên và có tối thiểu 03 tiến sĩ với ngành học thuộc lĩnh vực Pháp luật.

b) Đối với các ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam (theo quy định tại danh mục thống kê ngành đào tạo), ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này và các quy định sau:

- Giảng viên có danh hiệu là Nghệ sĩ Nhân dân hoặc Nghệ nhân Nhân dân hoặc Nhà giáo Nhân dân do Nhà nước trao tặng, đồng thời có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo;

- Riêng ngành đào tạo ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, giảng viên là người dân tộc thiểu số hoặc người có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với ngôn ngữ văn hóa dân tộc thiểu số của ngành đào tạo dự kiến mở, đồng thời có bằng thạc sĩ có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo.

3. Về cơ sở vật chất

a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu

về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và các quy định tại Quy định này;

b) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học.

Điều kiện về cơ sở vật chất phải bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo và phải có kế hoạch, phương án đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3, chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực lĩnh vực Pháp luật phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện nêu trên và bảo đảm có phòng diễn án, trung tâm thực hành (tư vấn) pháp luật.

c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học;

d) Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo; từ năm học 2023 - 2024 trở đi, yêu cầu bắt buộc phải có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo;

đ) Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

4. Chương trình đào tạo của ngành đề xuất mở được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chuẩn

chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Đã có đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

6. Phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

7. Hội đồng trường đã có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo của Trường.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Điều 4. Quy trình mở ngành đào tạo

Bước 1. Xây dựng đề xuất mở ngành đào tạo.

Bước 2. Thẩm định đề xuất mở ngành đào tạo.

Bước 3. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo.

Bước 4. Chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo.

Bước 5. Xây dựng đề án mở ngành đào tạo.

Bước 6. Thẩm định đề án mở ngành đào tạo.

Bước 7. Phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo.

Sơ đồ quy trình mở ngành đào tạo tại Phụ lục VI.

Điều 5. Xây dựng đề xuất mở ngành đào tạo

1. Hiệu trưởng chỉ đạo các khoa chủ động xây dựng đề xuất mở ngành đào tạo theo nhiệm vụ từng năm học phù hợp với chiến lược phát triển của Trường.

Các khoa chủ trì, các đơn vị liên quan phối hợp để xây dựng đề xuất mở ngành đào tạo theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này. Đề xuất mở ngành đào tạo phải đảm bảo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này và gửi hội đồng khoa học và đào tạo chậm nhất tháng 01 hằng năm.

2. Nội dung đề xuất chủ trương về việc mở ngành gồm có:

a) Về sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo: báo cáo phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới; phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt

nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo; phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của Trường, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược Trường, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước;

b) Về năng lực của Trường: báo cáo phân tích, thuyết minh về năng lực hiện có của Trường đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở, bao gồm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế;

c) Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở: báo cáo thuyết minh kết quả mong đợi về thời gian mở ngành đào tạo, thời gian triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội;

d) Về giải pháp và lộ trình thực hiện: báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo;

đ) Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro: báo cáo phân tích, thuyết minh dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục; báo cáo phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

Điều 6. Thẩm định đề xuất mở ngành đào tạo

1. Chậm nhất 7 ngày kể từ khi nhận được đề xuất mở ngành, căn cứ vào ngành đào tạo đề xuất mở của các khoa, chủ tịch hội đồng khoa học và đào tạo của Trường mời các thành viên phù hợp tham gia hội đồng thẩm định đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo (sau đây gọi tắt là hội đồng thẩm định đề xuất).

2. Hội đồng thẩm định đề xuất có số thành viên là số lẻ, gồm chủ tịch, thư ký và các uỷ viên. Thành viên hội đồng thẩm định đề xuất có thể không thuộc hội đồng khoa học và đào tạo nhưng không vượt quá 30% số lượng thành viên hội đồng. Hội đồng thẩm định đề xuất làm việc theo nguyên tắc thảo luận dân chủ. Các kết luận của hội đồng thẩm định đề xuất được thông qua bằng hình thức biểu quyết (công khai hoặc bỏ phiếu kín) khi có trên 50% thành viên theo danh sách đồng ý.

3. Thành viên hội đồng thẩm định đề xuất phải có trình độ tối thiểu từ thạc

sỹ trở lên, có phẩm chất, uy tín, am hiểu về lĩnh vực liên quan đến ngành đề xuất mở, có khả năng đánh giá sự phù hợp của đề xuất mở ngành với định hướng phát triển của Trường, phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của các Bộ, ngành, địa phương, cả nước và hội nhập quốc tế.

4. Hội đồng thẩm định đề xuất có trách nhiệm thẩm định và kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được xây dựng bảo đảm đầy đủ nội dung và chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

5. Việc tổ chức thẩm định đề xuất mở ngành đào tạo hoàn thành chậm nhất tháng 02 hằng năm.

Điều 7. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

1. Trên cơ sở chủ trương đề xuất mở ngành đào tạo đã được hội đồng khoa học và đào tạo tổ chức thẩm định và có kết luận theo quy định tại Điều 6, hiệu trưởng báo cáo trình hội đồng trường phê duyệt. Hội đồng trường chịu trách nhiệm về các nội dung:

a) Định hướng phát triển ngành đề xuất mở phải phù hợp với định hướng phát triển của Trường, bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của các Bộ, ngành, địa phương, cả nước và hội nhập quốc tế;

b) Bảo đảm nguồn lực để triển khai đề án mở ngành đào tạo đạt hiệu quả;

c) Đánh giá về dự báo rủi ro, các giải pháp ngăn ngừa, đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp xảy ra rủi ro khi mở ngành đào tạo.

2. Việc phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo hoàn thành chậm nhất vào tháng 03 hằng năm.

Điều 8. Chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo

Trên cơ sở báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình thực hiện được nêu tại đề xuất chủ trương mở ngành được phê duyệt, hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị liên quan chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ mở ngành đào tạo. Các điều kiện cần thiết phục vụ mở ngành đào tạo cần hoàn thiện chậm nhất tháng 8 hằng năm.

1. Xây dựng chương trình đào tạo

Khoa chủ trì đề xuất lập kế hoạch và tổ chức xây dựng chương trình đào tạo. Quy trình tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo đại học của Trường.

2. Chuẩn bị đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

a) Căn cứ các quy định về điều kiện đội ngũ giảng viên trong mở ngành đào tạo theo quy định này và điều kiện thực tế của Trường, hiệu trưởng chỉ đạo phòng Tổ chức – Hành chính và các đơn vị liên quan tổ chức chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học nhằm đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo tương ứng với mỗi trình độ đào tạo theo quy định tại văn bản này và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

b) Phòng Tổ chức – Hành chính chủ trì xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình và tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng, ký hợp đồng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phân công giảng dạy, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định của văn bản này, bảo đảm tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và phải được cam kết thực hiện trong đề án mở ngành đào tạo.

3. Chuẩn bị cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

a) Căn cứ các quy định về điều kiện cơ sở vật chất trong mở ngành đào tạo theo quy định này và điều kiện thực tế của Trường, hiệu trưởng chỉ đạo phòng Quản trị Cơ sở vật chất, Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học theo quy định tại văn bản này và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

b) Phòng Quản trị cơ sở vật chất chủ trì, phòng Kế hoạch – Tài chính phối hợp xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình và triển khai thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định của văn bản này, bảo đảm tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và phải được cam kết trong đề án mở ngành đào tạo.

4. Chuẩn bị điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

a) Xác định đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở;

b) Phân công cán bộ quản lý chuyên môn và giao trách nhiệm, quyền hạn

cho tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

Điều 9. Xây dựng đề án mở ngành đào tạo

Trên cơ sở chủ trương mở ngành được phê duyệt, hiệu trưởng chỉ đạo khoa chủ trì tổ chức xây dựng đề án mở ngành đào tạo. Khoa chủ trì gửi đề án mở ngành đào tạo (theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này) cho hội đồng khoa học và đào tạo chậm nhất tháng 10 hằng năm để tổ chức thẩm định.

Nội dung đề án mở ngành đào tạo gồm có:

1. Một số thông tin cơ bản giới thiệu về Trường: giới thiệu sơ lược về Trường.

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo: báo cáo khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt.

3. Chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở: Tóm tắt quá trình xây dựng chương trình đào tạo, một số thông tin chính về chương trình và kế hoạch đào tạo kèm theo chương trình đào tạo đầy đủ đã được ban hành.

4. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo: báo cáo tổng quan về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học phục vụ ngành dự kiến mở.

5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo: báo cáo tổng quan về cơ sở vật chất phục vụ ngành dự kiến mở.

6. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo: chỉ rõ đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương, cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

a) Báo cáo phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của Trường và những nội dung khác có liên quan, từ đó dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cùng các giải pháp chung để ngăn ngừa kịp thời nhằm hạn chế rủi ro cũng như đề xuất các phương án cụ thể mang tính chủ động để ngăn ngừa và xử lý khi rủi ro xảy ra;

b) Báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, nhà trường và các bên liên quan.

8. Các minh chứng kèm theo đề án

a) Nghị quyết của hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo;

b) Biên bản thẩm định đề án mở ngành của hội đồng khoa học và đào tạo;

c) Quyết định thành lập hội đồng xây dựng, hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản thẩm định chương trình đào tạo; quyết định ban hành chương trình đào tạo;

d) Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, gồm các thông tin theo mẫu báo cáo quy định tại Mục 1 (về giảng viên) và Mục 2 (về kết quả nghiên cứu khoa học) Phụ lục V ban hành kèm theo Quy định này; bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp;

đ) Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, gồm các thông tin theo các mẫu báo cáo được quy định tại Mục 3 (về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo) Phụ lục V ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 10. Thẩm định đề án mở ngành đào tạo

1. Chậm nhất 07 ngày kể từ khi nhận đề án mở ngành bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 9, hội đồng khoa học và đào tạo tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo.

2. Hội đồng thẩm định đề án mở ngành được hiệu trưởng ra quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của hội đồng khoa học và đào tạo. Hội đồng có số thành viên là số lẻ và số lượng thành viên ngoài hội đồng khoa học và đào tạo không vượt quá 30%. Hội đồng thẩm định đề án làm việc theo nguyên tắc thảo luận dân chủ. Các kết luận của Hội đồng thẩm định đề án được thông qua bằng hình thức biểu quyết (công khai hoặc bỏ phiếu kín) khi có trên 50% thành viên theo danh sách đồng ý.

3. Hội đồng thẩm định đề án phải xem xét, đánh giá điều kiện thực tế của Trường trên cơ sở căn cứ các quy định tại văn bản này và các quy định của pháp luật hiện hành, đánh giá mức độ đáp ứng so với yêu cầu về điều kiện để được mở ngành đối với từng nội dung cụ thể của đề án, bao gồm thẩm định các điều kiện về tên ngành đào tạo, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến và công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo đề xuất mở.

4. Kết quả thẩm định đề án mở ngành đào tạo của hội đồng khoa học và đào tạo phải được thể hiện bằng biên bản thẩm định và có kết luận cụ thể về việc

Trường đã có đủ điều kiện để được mở ngành đào tạo hoặc chưa đủ điều kiện theo quy định tại văn bản này và các quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình thẩm định, hội đồng khoa học và đào tạo phải kiểm tra điều kiện thực tế và kiểm tra các minh chứng cụ thể trước khi kết luận, đồng thời báo cáo hiệu trưởng và chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thẩm định.

5. Việc thẩm định đề án cần hoàn thành chậm nhất tháng 11 hằng năm.

Điều 11. Hồ sơ mở ngành đào tạo

1. Trường hợp đề án mở ngành được hội đồng thẩm định đề án nhất trí thông qua, khoa chủ trì gửi hồ sơ mở ngành đào tạo về phòng Đào tạo tập hợp và báo cáo hiệu trưởng chậm nhất 10 ngày kể từ ngày đề án được thông qua.

2. Hồ sơ mở ngành đào tạo gồm có:

- Văn bản đề nghị mở ngành đào tạo: tóm tắt quá trình xây dựng đề án, báo cáo khẳng định về việc bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định để được mở ngành đào tạo và đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đề án mở ngành đào tạo đã được thẩm định theo quy định tại Điều 10 Quy định này, bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

Điều 12. Phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo

1. Trường hợp Trường đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành trình độ đại học

Chậm nhất 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ mở ngành theo quy định tại Điều 11 của Quy định này, phòng Đào tạo báo cáo Hiệu trưởng quyết định việc mở ngành.

Hiệu trưởng ban hành quyết định mở ngành và công bố công khai đến các đơn vị trong nhà trường để thực hiện, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định tại Điều 21 của Quy định này.

2. Trường hợp trong thời hạn Trường không được tự chủ mở ngành đào tạo do vi phạm quy định đến mức không được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

a) Chậm nhất 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ mở ngành theo quy định tại Điều 11 của Quy định này, phòng Đào tạo báo cáo hiệu trưởng và gửi 01 bộ hồ sơ mở ngành đến Bộ Giáo dục và Đào tạo theo hình thức gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận và thẩm định hồ sơ; trong trường hợp cần thiết Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định việc tổ chức đoàn kiểm

tra thực tế các điều kiện bảo đảm chất lượng tại Trường.

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ mở ngành của Trường, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cho phép mở ngành đào tạo, nếu hồ sơ mở ngành của Trường đầy đủ và đáp ứng các điều kiện để được mở ngành theo quy định tại văn bản này và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Nếu hồ sơ mở ngành của Trường chưa đầy đủ, chưa bảo đảm các điều kiện để được mở ngành theo quy định, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả bằng văn bản về tình trạng hồ sơ và những nội dung chưa bảo đảm theo quy định đối với Trường.

Chương III
ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 13. Đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo

1. Trường bị đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo đối với ngành đã được mở khi có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của Trường ở một trong các trường hợp sau:

a) Tự chủ mở ngành khi chưa đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

b) Tự chủ mở ngành khi chưa đủ một trong các điều kiện được mở ngành đào tạo theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT và các quy định khác có liên quan của pháp luật (bao gồm cả các điều kiện phải cam kết trong đề án mở ngành đào tạo theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT).

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận có vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó xác định rõ lý do, phạm vi, thời hạn đình chỉ và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên và không được tự chủ mở ngành đào tạo trong thời hạn 05 năm, kể từ khi có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của Trường.

4. Sau thời hạn đình chỉ hoạt động ngành đào tạo, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ hoạt động ngành đào tạo được khắc phục và Trường bảo đảm đầy đủ các điều kiện để được mở ngành đào tạo theo quy định tại văn bản này và các quy định khác có liên quan của pháp luật, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại. Trường hợp hết thời hạn đình chỉ hoạt động ngành đào tạo mà chưa được Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại, nếu muốn tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngành này, Trường phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để được mở ngành và thực hiện lại trình tự, thủ tục mở ngành theo quy tại văn bản này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

5. Đối với ngành đào tạo trình độ đại học đã được mở nhưng trong thời gian 03 năm liên tiếp Trường không tổ chức tuyển sinh hoặc không tuyển sinh được thì quyết định mở ngành đối với ngành này hết hiệu lực. Nếu muốn tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngành này, Trường phải thực hiện lại trình tự, thủ tục mở ngành theo quy tại văn bản này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Chỉ đạo xây dựng quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo.

2. Chỉ đạo xây dựng và tổ chức kiểm tra quá trình xây dựng đề xuất và đề án mở ngành đào tạo.

3. Chỉ đạo các đơn vị liên quan chuẩn bị các điều kiện phục vụ mở ngành đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng phục vụ hoạt động đào tạo của ngành.

4. Chỉ đạo đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018); thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

5. Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện hoạt động mở ngành đào tạo, việc thực hiện cam kết theo đề án mở ngành đào tạo và công tác bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành; chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

6. Báo cáo hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo.

Điều 15. Trách nhiệm của phòng Đào tạo

Tham mưu cho hiệu trưởng quản lý các hoạt động mở ngành đào tạo và thực hiện các nhiệm vụ:

- Chủ trì xây dựng, rà soát và chỉnh sửa các quy định, hướng dẫn về mở ngành đào tạo.

- Ban hành thông báo, kế hoạch về xây dựng đề xuất và đề án mở ngành đào tạo hằng năm phù hợp với định hướng chiến lược của Trường.

- Phối hợp với các khoa xây dựng đề xuất mở ngành và xây dựng đề án mở ngành đào tạo.

- Phối hợp với hội đồng khoa học và đào tạo, hội đồng thẩm định đề xuất mở ngành, hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, hội đồng thẩm định đề án mở ngành để tổ chức các hoạt động thẩm định liên quan đến mở ngành đào tạo.

- Kiểm tra, giám sát hoạt động xây dựng đề xuất, đề án mở ngành đào tạo việc thực hiện cam kết theo đề án mở ngành đào tạo.

- Báo cáo, đánh giá hằng năm; báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điều 21 hoặc theo yêu cầu của Trường, cơ quan quản lý về hoạt động mở ngành, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo của Trường.

Điều 16. Trách nhiệm của phòng Tổ chức – Hành chính

1. Chủ trì xây dựng kế hoạch chuẩn bị điều kiện về giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định.

2. Tham mưu cho hiệu trưởng và tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng, ký hợp đồng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học phục vụ mở ngành.

3. Phối hợp với khoa để tham mưu cho hiệu trưởng chuẩn bị điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý ngành đào tạo dự kiến mở.

4. Phối hợp với các khoa xây dựng đề xuất mở ngành và xây dựng đề án mở ngành đào tạo, trong đó nhiệm vụ chính liên quan đến:

- Phối hợp xây dựng các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi giảng viên, nhà trường và các bên liên quan.

- Cung cấp các thông tin, minh chứng liên quan đến giảng viên, cán bộ khoa học phục vụ mở ngành.

5. Phối hợp với phòng Đào tạo làm báo cáo, đánh giá hằng năm; báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điều 21 hoặc theo yêu cầu của Trường, cơ quan quản lý về hoạt động mở ngành, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo của Trường.

Điều 17. Trách nhiệm của phòng Kế hoạch – Tài chính

1. Phối hợp với phòng Quản trị cơ sở vật chất xây dựng kế hoạch chuẩn bị

điều kiện về cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định.

2. Tham mưu cho hiệu trưởng và tổ chức triển khai đầu tư, mua sắm trang thiết bị, tài liệu phục vụ mở ngành đào tạo.

3. Phối hợp với các khoa xây dựng đề xuất mở ngành và xây dựng đề án mở ngành đào tạo, trong đó nhiệm vụ chính liên quan đến:

- Phối hợp xây dựng các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi sinh viên, giảng viên, nhà trường và các bên liên quan.

- Cung cấp các thông tin, minh chứng đến cơ sở vật chất, tài chính phục vụ mở ngành.

4. Thanh toán các chi phí liên quan đến hoạt động xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo, đề án mở ngành theo quy định của Trường.

5. Phối hợp với phòng Đào tạo làm báo cáo, đánh giá hằng năm; báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điều 21 hoặc theo yêu cầu của Trường, cơ quan quản lý về hoạt động mở ngành, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo của Trường.

Điều 18. Trách nhiệm của phòng Quản trị cơ sở vật chất

1. Chủ trì (phòng Kế hoạch – Tài chính, khoa Tin học – Ngoại ngữ phối hợp) xây dựng kế hoạch chuẩn bị điều kiện về cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định.

2. Tổ chức mua sắm và lắp đặt các trang thiết bị phục vụ mở ngành.

3. Phối hợp với các khoa xây dựng đề xuất mở ngành và xây dựng đề án mở ngành đào tạo, trong đó nhiệm vụ chính liên quan đến:

- Phối hợp xây dựng các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi sinh viên, giảng viên, nhà trường và các bên liên quan.

- Cung cấp các thông tin, minh chứng đến cơ sở vật chất phục vụ mở ngành.

3. Phối hợp với phòng Đào tạo làm báo cáo, đánh giá hằng năm; báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điều 21 hoặc theo yêu cầu của Trường, cơ quan quản lý về hoạt động mở ngành, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo của Trường.

Điều 19. Trách nhiệm của các khoa

1. Chủ trì tổ chức xây dựng đề xuất mở ngành đảm bảo các yêu cầu tại Điều 5 quy định này.

2. Chủ trì tổ chức xây dựng chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở

theo quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

3. Chủ trì (phòng Tổ chức – Hành chính phối hợp) tham mưu cho hiệu trưởng chuẩn bị điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý ngành đào tạo dự kiến mở.

4. Chủ trì (phòng Quản trị cơ sở vật chất, khoa Tin học – Ngoại ngữ phối hợp) tham mưu cho hiệu trưởng chuẩn bị điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ ngành đào tạo dự kiến mở.

5. Chủ trì tổ chức xây dựng đề án mở ngành đào tạo đảm bảo các yêu cầu tại Điều 9 quy định này.

6. Phối hợp với phòng Đào tạo làm báo cáo, đánh giá hằng năm; báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điều 21 hoặc theo yêu cầu của Trường, cơ quan quản lý về hoạt động mở ngành, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo của Trường.

Điều 20. Trách nhiệm của hội đồng khoa học và đào tạo

1. Chậm nhất 7 ngày kể từ khi nhận đề xuất mở ngành được xây dựng theo quy định tại Điều 5, đề án mở ngành được xây dựng theo Điều 9 văn bản này, hội đồng khoa học và đào tạo phải tổ chức thẩm định đề xuất mở ngành, đề án mở ngành theo quy định tại Điều 6 và Điều 10 văn bản này.

2. Hội đồng khoa học và đào tạo tư vấn cho hiệu trưởng thành lập hội đồng thẩm định đề xuất mở ngành và hội đồng thẩm định đề án mở ngành.

3. Trách nhiệm của hội đồng thẩm định đề xuất mở ngành và hội đồng thẩm định đề án mở ngành:

a) Hội đồng chịu trách nhiệm về chất lượng, kết quả họp duyệt đề xuất, đề án mở ngành và hoàn thiện thủ tục theo quy định.

b) Chủ tịch hội đồng: điều hành và kết luận cuộc họp; chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về vấn đề liên quan kết luận của hội đồng và các thủ tục theo quy định. Đối với các nội dung không thuộc phạm vi quyền hạn của chủ tịch hội đồng thì phải báo cáo hiệu trưởng trước khi kết luận.

c) Thư ký Hội đồng:

- Ghi chép đầy đủ và chính xác nội dung, trình tự, diễn biến, ý kiến của từng thành viên trong cuộc họp;

- Rà soát các nội dung đã sửa trong đề xuất và đề án theo kết luận của hội đồng sau khi đơn vị chủ trì hoàn thiện;

d) Các thành viên hội đồng

- Có đánh giá bằng văn bản (mẫu 1 đối với hội đồng thẩm định đề xuất,

mẫu 2 đối với hội đồng thẩm định đề án tại Phụ lục IV);

- Nhận xét, thảo luận, phản biện các ý kiến nhận xét giữa các thành viên họp hội đồng (nếu có).

d) Hội đồng có trách nhiệm rà soát đề xuất, đề án mở ngành sau khi họp thẩm định. Chủ tịch hội đồng ký vào bản Báo cáo hoàn thiện đề xuất/đề án sau thẩm định (mẫu 3 tại Phụ lục IV).

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin

1. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo theo quy định, phòng Đào tạo chủ trì làm báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ các ngành do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định) và cơ quan quản lý trực tiếp:

a) Quyết định mở ngành đào tạo;

b) Đề án mở ngành đào tạo;

c) Địa chỉ truy cập trang thông tin điện tử của Trường đã công khai các nội dung liên quan đến việc mở ngành đào tạo.

2. Đối với ngành đào tạo đã mở trình độ đại học: từ năm học thứ hai (kể từ khi ban hành quyết định mở ngành đào tạo) đến khi kết thúc khóa học đầu tiên, trước ngày bắt đầu năm học mới của từng năm học, phòng Đào tạo chủ trì báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý trực tiếp, việc Trường đã chuẩn bị đủ các điều kiện về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất để thực hiện chương trình đào tạo đối với ngành đào tạo đã mở theo kế hoạch, lộ trình đã cam kết trong đề án mở ngành của Trường, gồm các nội dung theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quy định này để phục vụ quản lý và công tác hậu kiểm (trừ trường hợp mở ngành ở trình độ đại học đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật).

3. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, phòng Đào tạo chủ trì báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý trực tiếp Trường về quyết định mở ngành đào tạo đã hết hiệu lực (nếu có) của Trường, theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Quy định này để phục vụ công tác quản lý, bao gồm các nội dung: số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành quyết định; cơ quan ban hành quyết định; tên ngành; trình độ đào tạo; lý do quyết định mở ngành hết hiệu lực.

4. Phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan có trách nhiệm lưu trữ và bảo quản hồ sơ mở ngành đào tạo, các tài liệu liên quan tới việc mở ngành đào tạo, các minh chứng kèm theo hồ sơ mở ngành đào tạo, bao gồm cả các minh chứng

về việc đáp ứng các điều kiện mở ngành đào tạo, bảo đảm tuân thủ theo các quy định của Trường và pháp luật hiện hành.

5. Trường công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học như sau:

a) Công khai quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động ngành đào tạo của Trường trên trang thông tin điện tử của Trường ít nhất là 45 ngày trước khi tổ chức thực hiện;

b) Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo hoặc nhận được quyết định cho phép mở ngành đào tạo của cơ quan có thẩm quyền, Trường công khai trên trang thông tin điện tử của Trường các nội dung sau:

- Quyết định mở ngành đào tạo;

- Những nội dung cơ bản của đề án mở ngành đào tạo đã được phê duyệt, bao gồm: chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra và đề cương chương trình đào tạo; danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo; danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh; địa điểm đào tạo và danh sách các địa điểm thực hành, thực tập;

- Cập nhật thông tin về mở ngành đào tạo, đề án mở ngành đào tạo của Trường vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học.

Điều 22. Điều khoản thi hành

Quy định này gồm 04 chương và 22 điều. Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các điều khoản được thực hiện định kỳ 02 năm/lần.

Đối với những vấn đề chưa được quy định tại văn bản này thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hiện hành có liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị các đơn vị, cá nhân gửi bằng văn bản về phòng Đào tạo để tập hợp, báo cáo Hiệu trưởng để điều chỉnh cho phù hợp.

Phụ lục I

CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẶC THÙ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THUỘC LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT

(Kèm theo Quyết định số 746/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội)

STT	Tên ngành
	Mỹ thuật
1	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật
2	Hội họa
3	Đồ họa
4	Điêu khắc
5	Gốm
	Nghệ thuật trình diễn
6	Âm nhạc học
7	Sáng tác âm nhạc
8	Chỉ huy âm nhạc
9	Thanh nhạc
10	Biểu diễn nhạc cụ phương tây
11	Piano
12	Nhạc Jazz
13	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống
14	Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu
15	Biên kịch sân khấu
16	Diễn viên sân khấu kịch hát
17	Đạo diễn sân khấu
18	Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình
19	Biên kịch điện ảnh, truyền hình
20	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình
21	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình
22	Quay phim
23	Lý luận, lịch sử và phê bình múa
24	Diễn viên múa
25	Biên đạo múa
26	Huấn luyện múa
	Nghệ thuật nghe nhìn
27	Nhiếp ảnh
28	Công nghệ điện ảnh, truyền hình
	Mỹ thuật ứng dụng
29	Thiết kế đồ họa
30	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh

Phụ lục II

MẪU ĐỀ XUẤT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 746/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI
KHOA...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: .....; Mã số: .....

Trình độ đào tạo:.....

Kính gửi:

- Ban giám hiệu;
- Hội đồng khoa học và đào tạo.

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

- Nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới;

- Dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo;

- Xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của Trường, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược Trường, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước.

Lưu ý: cần có số liệu, minh chứng cho các phân tích, đánh giá.

2. Năng lực hiện tại của Trường đối với ngành đào tạo đề xuất mở

- Đội ngũ giảng viên;

- Cơ sở vật chất, công nghệ học liệu;

- Chương trình đào tạo;

- Hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế.

3. Mục tiêu phát triển của ngành đào tạo

- Dự kiến thời gian mở ngành đào tạo;

- Dự kiến thời gian triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

- Mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới;

- Dự kiến chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội.

4. Giải pháp và lộ trình thực hiện

- Xây dựng đề án mở ngành đào tạo;

- Xây dựng chương trình đào tạo;

- Nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu;

- Nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo;

- Kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo.

5. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

- Dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục;

- Các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

Trên đây là đề xuất mở ngành đào tạo..... trình độ đại học của khoa.... Kính đề nghị hội đồng khoa học và đào tạo, ban giám hiệu xem xét.

TRƯỞNG KHOA
(*Ký và ghi rõ họ tên*)

Nơi nhận:
-
-
- Lưu:...

Phụ lục III

MẪU ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 746/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI
KHOA...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: .....; Mã số: .....

Trình độ đào tạo:.....

Kính gửi:

- Ban giám hiệu;
- Hội đồng khoa học và đào tạo.

1. Giới thiệu khái quát về Trường: giới thiệu sơ lược về Trường về

- Tóm tắt lịch sử hình thành và phát triển
- Quy mô và ngành nghề đào tạo
- Kết quả đào tạo và tốt nghiệp
- Tổng quan về đội ngũ nhân lực và cơ sở vật chất
- Một số thành tích nổi bật về đào tạo, NCKH, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước
-...

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo: báo cáo khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt.

- Nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới;

- Dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo;

- Xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của Trường, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược Trường, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước.

3. Chương trình đào tạo ngành dự kiến mở

- Tóm tắt quá trình xây dựng chương trình đào tạo
- Một số thông tin chính về chương trình và kế hoạch đào tạo:
  + Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra
  + Thời gian đào tạo
  + Khối lượng kiến thức toàn khoá
  + Đối tượng tuyển sinh
  + Nội dung chương trình
  + Kế hoạch đào tạo

Kèm theo đề án là chương trình đào tạo đã được ban hành.

4. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học phục vụ ngành đào tạo

- Đội ngũ giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở: tổng số lượng chia theo trình độ của giảng viên; đánh giá tổng quan về mức độ đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về mở ngành đào tạo, về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo.

- Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở: tổng số lượng chia theo trình độ của giảng viên; dự kiến tổng khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo theo từng năm học.

5. Cơ sở vật chất phục vụ ngành đào tạo

- Đánh giá tổng quan về cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo của ngành dự kiến mở, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo.

- Đánh giá tổng quan về hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo.

- Kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học.

- Đánh giá khả năng đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

- Tổng hợp số lượng (kèm danh sách) các đối tác đã ký hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học.

- Đường link trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

6. Đơn vị quản lý ngành đào tạo

- Đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý ngành đào tạo dự kiến mở

- Cán bộ quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo dự kiến mở

7. Phương án xử lý rủi ro đối với ngành đào tạo

- Dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục;

- Các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

Trên đây là đề án đăng ký mở ngành đào tạo..... trình độ đại học của khoa.... Kính đề nghị hội đồng khoa học và đào tạo, ban giám hiệu xem xét.

TRƯỞNG KHOA
(*Ký và ghi rõ họ tên*)

Nơi nhận:
-
-
- Lưu:...

Phụ lục IV
CÁC BIỂU MẪU THẨM ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số 746/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội)

1. Mẫu 1. Phiếu nhận xét đề xuất mở ngành

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT ĐỀ XUẤT MỞ NGÀNH

Tên ngành:.....
Mã số: .....
Trình độ đào tạo:.....
Tên đơn vị chủ trì: .....
Tên người đánh giá: .....
Học hàm, học vị: .....
Chuyên ngành: .....
Đơn vị: .....

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Sự cần thiết của ngành dự kiến mở

(Đánh giá nhu cầu nhân lực của ngành dự kiến mở, xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của Trường, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước)

2. Tên ngành đào tạo

(Tên ngành có trong danh mục thống kê ngành đào tạo hoặc thuộc trường hợp có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ?)

3. Năng lực hiện tại của Trường đối với ngành đào tạo đề xuất mở

(Đánh giá năng lực hiện có của Trường đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở, bao gồm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế)

4. Mục tiêu phát triển của ngành đào tạo

(Đánh giá kết quả mong đợi về thời gian mở ngành đào tạo, thời gian triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội)

5. Giải pháp và lộ trình thực hiện

(Đánh giá các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo)

6. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

(Đánh giá về việc dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục; báo cáo phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo)

7. Các ý kiến khác

.....
.....
.....
.....
.....

8. Đánh giá mức độ đáp ứng của đề án mở ngành

☐ Đạt yêu cầu, không cần chỉnh sửa

☐ Đạt yêu cầu nhưng cần chỉnh sửa theo các nhận xét

☐ Không đạt yêu cầu

Hà Nội, ngày .....tháng .....năm 20.....

Người đánh giá

2. Mẫu 2. Phiếu nhận xét đề án mở ngành

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH

Tên ngành:.....
Mã số: .....
Trình độ đào tạo:.....
Tên đơn vị chủ trì: .....
Tên người đánh giá: .....
Học hàm, học vị: .....
Chuyên ngành: .....
Đơn vị: .....

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Sự cần thiết của ngành dự kiến mở

(Đánh giá nhu cầu nhân lực của ngành dự kiến mở, xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của Trường, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước...)

2. Tên ngành đào tạo

(Tên ngành có trong danh mục thống kê ngành đào tạo hoặc thuộc trường hợp có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ?...)

3. Chương trình đào tạo

(CTĐT có được xây dựng theo đúng quy định không? CTĐT có đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam không?...)

4. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học phục vụ ngành đào tạo

(Đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo không? Có đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy

định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo không?...)

5. Cơ sở vật chất

(Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình; có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo; có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định ?...)

6. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

7. Các ý kiến khác

8. Đánh giá mức độ đáp ứng của đề xuất mở ngành:

☐ Đạt yêu cầu, không cần chỉnh sửa

☐ Đạt yêu cầu nhưng cần chỉnh sửa theo các nhận xét

☐ Không đạt yêu cầu

Hà Nội, ngày .....tháng .....năm 20.....

Người đánh giá

3. Mẫu 3. Báo cáo về việc hoàn thiện đề xuất/đề án mở ngành

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO VỀ VIỆC HOÀN THIỆN ĐỀ XUẤT/ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH
(Sau họp hội đồng thẩm định đề xuất/đề án mở ngành)

I. Những thông tin chung

1. Tên ngành: .....
2. Mã số: .....
3. Trình độ đào tạo: .....
4. Đơn vị chủ trì: .....
5. Chủ tịch hội đồng duyệt đề xuất/đề án: .....
6. Thời gian họp hội đồng duyệt đề xuất/đề án: .....

II. Nội dung đã thực hiện theo kết luận của hội đồng

1. Những nội dung đã bổ sung hoàn thiện (được liệt kê và trình bày lần lượt các vấn đề cần hoàn thiện theo ý kiến kết luận của hội đồng)

STT	Kết luận của Hội đồng	Nội dung chỉnh sửa (trang)
1		
2		
3		
4		
5		

2. Những vấn đề bổ sung mới:

3. Những vấn đề chưa được hoàn thiện (nêu rõ lý do):

III. Kiến nghị của đơn vị chủ trì

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục V

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 746/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm...

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở: .....Mã ngành .....

Trình độ đào tạo:.....

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với Trường, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của Trường

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1	Nguyễn Văn A 15/11/1966	092066001879 Việt Nam	GS, 2016	TS, Việt Nam, 2002	Công nghệ dệt may	01/08/1988	X	HC158293061873267	33	10	24	
2	Nguyễn Thị B 20/12/1971	064071007451 Việt Nam	PGS, 2015	TS, Hà Lan, 2009	Quản trị kinh doanh	X	15/11/2010, Hợp đồng thỉnh giảng tự trả lương	HC893527818012345	8	3	12	

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của Trường

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Nguyễn Văn A	Kỹ thuật may 1	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
…								

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học của Trường

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của Trường, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do Trường thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của Trường trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tên bài viết*', *tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), 'Tiêu đề bài viết', *[trong] tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học của Trường

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ,năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ					
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ					
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ					
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ					
1.5	Số phòng học đa phương tiện					
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian					
2	Thư viện, trung tâm học liệu					
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập					

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạpchí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phầnsử dụng sách,tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghichú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai (theo từng mẫu trên)
(Ký tên xác nhận)

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VI

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH MỞ NGÀNH

(Kèm theo Quyết định số 746 /QĐ-ĐHCNDMHN ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội)

TT	Tiến trình	Đơn vị/ Cá nhân chủ trì	Yêu cầu	Tài liệu/ Biểu mẫu	Thời gian hoàn thành chậm nhất
1	**Xây dựng đề xuất mở ngành đào tạo**	Khoa chủ trì	Đảm bảo các nội dung quy định tại Điều 5	Phụ lục II	Tháng 1
2	**Thẩm định đề xuất mở ngành đào tạo**	Hội đồng KH&ĐT	Đảm bảo các nội dung quy định tại Điều 6, Điều 20	Mẫu 1, 3 Phụ lục IV	Tháng 2
3	**Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo**	Hội đồng trường	Đảm bảo các nội dung quy định tại Điều 7		Tháng 3
4	**Chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo**				Tháng 8
	Xây dựng CTĐT	Khoa chủ trì	Đảm bảo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 8		Tháng 8
	Chuẩn bị đội ngũ GV, CB	Phòng TCHC	Đảm bảo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 8		Tháng 8
	Chuẩn bị cơ sở vật chất	Phòng QT CSVC, KHTC	Đảm bảo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 8		Tháng 8

TT	Tiến trình	Đơn vị/ Cá nhân chủ trì	Yêu cầu	Tài liệu/ Biểu mẫu	Thời gian hoàn thành chậm nhất
5	**Xây dựng đề án mở ngành đào tạo**	Khoa chủ trì	Đảm bảo các nội dung quy định tại Điều 9	Phụ lục III, IV	Tháng 10
6	**Thẩm định đề án mở ngành đào tạo**				
	Tổ chức thẩm định	Hội đồng KH&ĐT	Đảm bảo các nội dung quy định tại Điều 10, Điều 20	Mẫu 2, 3 Phụ lục IV	Tháng 11
	Hoàn thiện hồ sơ	Khoa chủ trì	Đảm bảo các nội dung quy định tại Điều 11	- Văn bản đề nghị mở ngành - Đề án mở ngành	10/12
7	**Phê duyệt đề án và quyết định mở ngành**				
	Tự chủ mở ngành	Phòng Đào tạo, Hiệu trưởng		- Quyết định mở ngành - Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tháng 12
	Không tự chủ mở ngành	Phòng Đào tạo, Bộ GD và ĐT		Quyết định cho phép mở ngành đào tạo/thông báo kết quả hồ sơ	- Gửi hồ sơ: 17/12 - Thẩm định, ra quyết định: Tháng 1